

Báo cáo thị trường

Báo cáo ngày: NĐT nên tiếp tục quan sát thị trường trong ngắn hạn

06/08/2024

VN-Index tăng 22.2 điểm (+1.9%) lên mức 1,210

- Khối ngoại bán ròng 726 tỷ VND trong phiên giao dịch hôm nay, trong đó các mã bị bán ròng mạnh nhất là VJC (354 tỷ VND), AGG (115 tỷ VND) và MWG (112 tỷ VND)
- NĐT cá nhân trong nước mua ròng 220 tỷ VND, trong đó các mã được mua mạnh nhất là VJC (345 tỷ VND), AGG (115 tỷ VND) và FPT (81 tỷ VND)

TVS Research khuyến nghị NĐT tiếp tục thận trọng quan sát trong những phiên tới

- VN-Index hồi phục sau phiên giảm mạnh với sự hỗ trợ từ nhóm Ngân hàng và Dịch vụ tài chính. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng rủi ro giảm điểm của thị trường vẫn còn và đây có thể chỉ là sự hồi phục sau khi thị trường giảm mạnh. Ngoài ra thanh khoản thị trường phiên hôm nay khá yếu và chưa thể coi là dấu hiệu đảo chiều trong ngắn hạn. Do đó, chúng tôi tiếp tục khuyến nghị NĐT nên quan sát thị trường và chưa nên giải ngân trong thời điểm hiện tại

Chênh lệch basis ở mức -3.2 điểm

- Chỉ số VN30F1M tăng 16.6 điểm (+1.4%) lên mức 1,250 và chỉ số VN30 tăng 20.7 điểm (+1.7%) lên mức 1,253

VN-Index thường tăng điểm sau các phiên giảm trên 3%

Số phiên tăng/giảm vào ngày T+5 & T+10 sau các phiên giảm >3% từ 2014-2024

Ngày	VN-Index	T+0	T+5	T+10
15/04/2024	1,216.61	-4.7%	-3.2%	0.4%
26/10/2023	1,055.45	-4.2%	1.9%	5.5%
03/10/2023	1,118.10	-3.2%	2.3%	0.3%
25/09/2023	1,153.20	-3.3%	0.2%	-1.4%
18/08/2023	1,177.99	-4.5%	0.5%	4.8%
01/02/2023	1,075.97	-3.2%	-0.3%	-2.6%
26/12/2022	985.21	-3.4%	6.0%	6.9%
06/12/2022	1,048.69	-4.1%	-0.1%	-2.4%
15/11/2022	911.90	-3.1%	4.4%	13.2%
10/11/2022	947.24	-3.9%	2.3%	0.0%
Mức tăng trung bình			1.4%	2.5%

Nguồn: Fiinpro, TVS Research tổng hợp

Tổng quan thị trường

Chỉ tiêu	Giá trị	%Thay đổi
VN-Index		
Đóng cửa	1,210	1.9%
KLGD [triệu CP]	628	-35.0%
GTGD [tỷ VND]	16,323	-31.3%
Khớp lệnh	13,810	-35.0%
Thoả thuận	2,513	-0.4%
HNX-Index		
Đóng cửa	226	1.7%
KLGD [triệu CP]	62	-28.3%
GTGD [tỷ VND]	1,200	-28.7%
UPCoM		
Đóng cửa	92	1.6%
KLGD [triệu CP]	38	-41.1%
GTGD [tỷ VND]	725	-30.0%

Mục lục

- Diễn biến TT VN và quốc tế ▶
- Vì sao thị trường tăng điểm? ▶
- Quan điểm thị trường ▶
- Các thông tin đáng chú ý ▶
- Thị trường phái sinh & chứng quyền ▶
- Danh sách cổ phiếu khuyến nghị ▶
- Phụ lục: Tổng quan hiệu suất thị trường ▶

Nguyễn Đức Anh
anhnd@tvs.vn

Tổng quan thị trường hôm nay

Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh

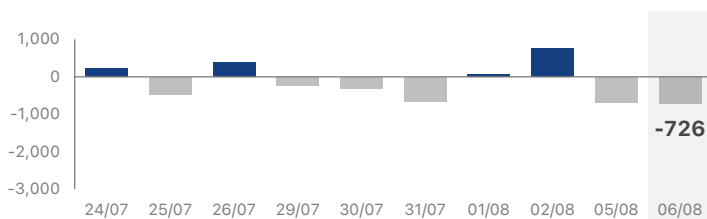
VN-Index ▲ 1,210 (+1.9%)
628.4 triệu CP 16,323 tỷ VND (-31.3%)

HNX-Index ▲ 226 (+1.7%)
62.2 triệu CP 1,200 tỷ VND (-28.7%)

UPCoM-Index ▲ 92 (+1.6%)
38.0 triệu CP 725 tỷ VND (-30.0%)

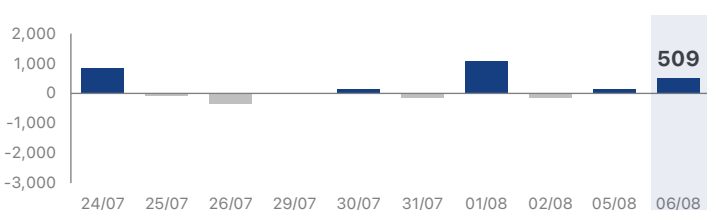
Khối ngoại bán ròng 726 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài [tỷ VND]



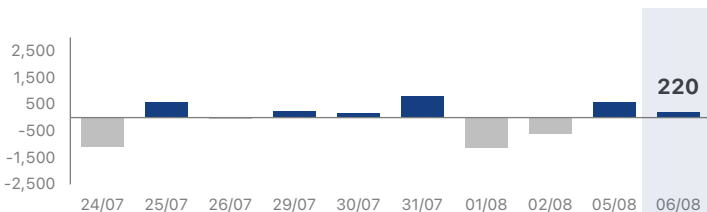
Tổ chức trong nước mua ròng 509 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức trong nước [tỷ VND]



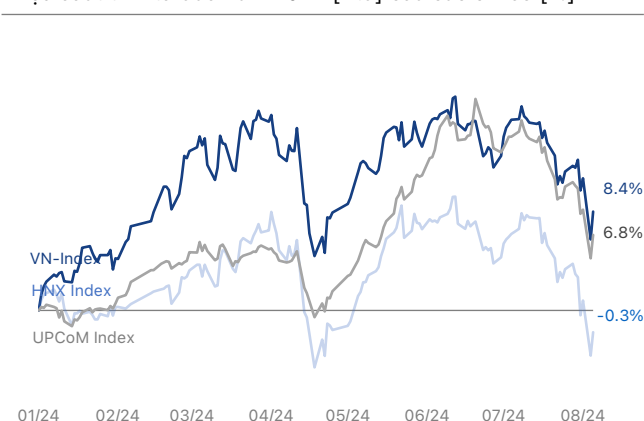
NĐT trong nước tiếp tục mua ròng

Giá trị mua/bán ròng của NĐT trong nước [tỷ VND]



VN-Index có hiệu suất cao nhất trong 3 chỉ số

Hiệu suất tính từ đầu năm 2024 [Ytd] của các chỉ số [%]



TTCK Mỹ giảm mạnh do NĐT quan ngại về tình hình không khả quan của nền kinh tế nước này

Hiệu suất từ đầu năm 2024 tới nay của các chỉ số chứng khoán chính [%]

Chỉ số	Quốc gia	Giá đóng cửa [điểm]	GTGD [triệu USD]	Thay đổi giá		Định giá		Chỉ báo kỹ thuật			
				1 ngày	YTD	P/E	P/B	Kháng cự	Hỗ trợ	RSI	MA (20)
VN-Index	Việt Nam	1,210	841	1.9%	6.9%	14.0	1.6	1,155	1,080	38	1,251
HNX-Index	Việt Nam	226	60	1.7%	-1.5%	14.1	1.2	250	230	34	237
S&P 500	Mỹ	5,186	131,428	-3.0%	9.4%	24.3	4.7	4,590	4,180	31	5,508
Dow Jones	Mỹ	38,703	31,211	-2.6%	2.6%	22.2	4.9	35,600	34,000	35	40,208
FTSE 100	Anh	8,008	5,974	-2.0%	3.7%	14.0	1.8	7,700	7,200	36	8,205
Euro Stoxx 50	Euro	4,572	12,190	-1.4%	1.3%	13.4	1.9	4,410	4,160	29	4,863
Shanghai Composite	Trung Quốc	2,867	49,063	0.2%	-3.2%	13.5	1.2	3,310	3,000	36	2,929
SZSE Component	Trung Quốc	8,464	26,902	0.8%	-10.0%	19.1	1.8	12,500	10,000	40	8,679
Hang Seng	Hồng Kông	16,647	8,946	-0.3%	-0.8%	9.3	1.0	20,300	16,700	35	17,395
Nikkei 225	Nhật Bản	34,675	42,023	10.2%	3.6%	20.2	1.7	33,450	31,400	36	38,977
KOSPI	Hàn Quốc	2,522	13,476	3.3%	-5.5%	14.4	0.9	2,650	2,470	32	2,762

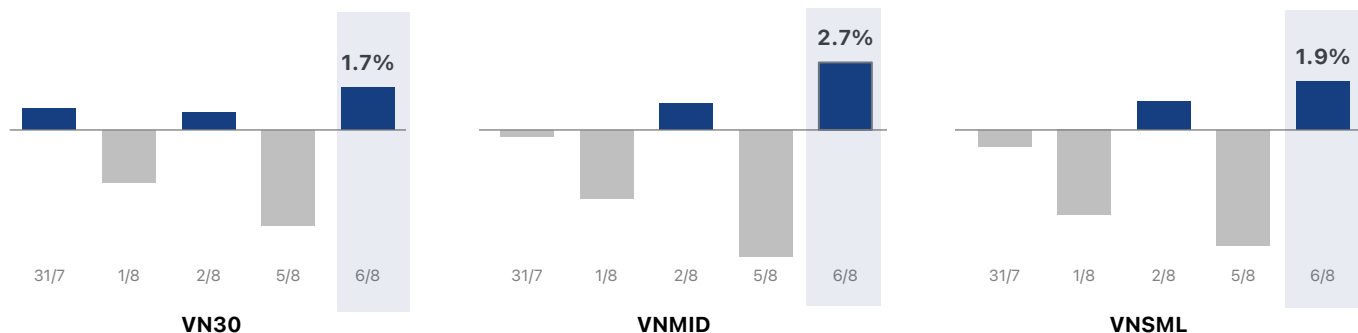
Ghi chú: Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 được lấy giá trị giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, TVS Research

Diễn biến giao dịch theo nhóm chỉ số & ngành

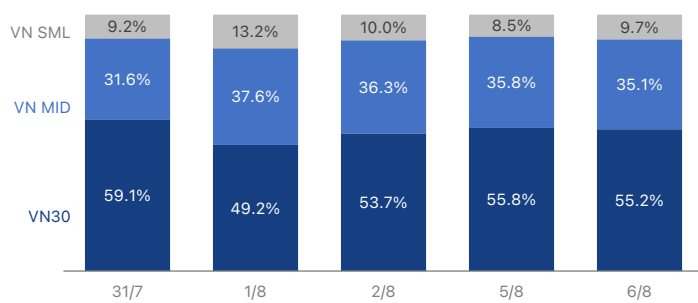
Cả ba nhóm chỉ số tăng điểm trở lại

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số [%]



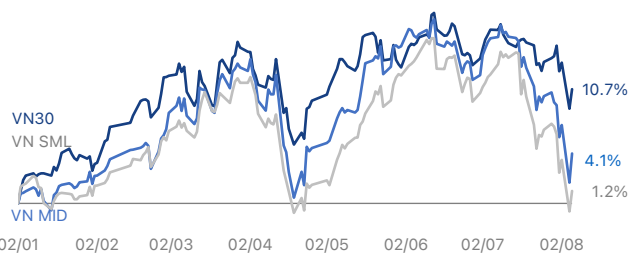
GTGD tập trung vào nhóm VN30

Tỷ trọng GTGD theo các nhóm chỉ số [%]



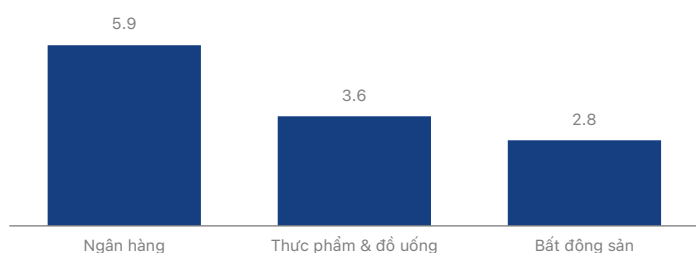
Nhóm VN30 duy trì mức hiệu suất cao nhất

Hiệu suất tính từ đầu năm 2024 của các chỉ số [%]



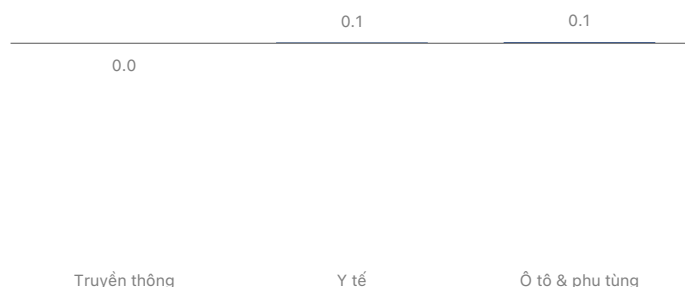
Cả 3 nhóm chỉ số tác động tích cực...

3 ngành đóng góp tích cực nhất vào VN-Index [điểm]



... trong khi không có nhóm nào bị bán

3 ngành tác động tiêu cực nhất vào VN-Index [điểm]



Định giá P/E CP Ngân hàng thấp hơn TB 5 năm

P/E TTM các nhóm ngành [x] và P/E TTM TB 5 năm [x]

Ngành	P/E TTM	P/E TB 5 năm
Ngân hàng	9.7	11.0
Bất động sản	16.6	20.1
Thực phẩm và đồ uống	23.2	20.0
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	18.4	14.2
Tài nguyên Cơ bản	28.7	18.3
Dịch vụ tài chính	19.1	14.4
Hóa chất	24.6	15.1
Công nghệ Thông tin	28.6	16.3
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.6	16.8
Xây dựng và Vật liệu	26.9	16.5
Du lịch và Giải trí	1037.8	32.4
Bán lẻ	71.9	21.8
Dầu khí	12.8	16.0
Hàng cá nhân & Gia dụng	16.7	11.4
Bảo hiểm	13.4	19.3
Y tế	15.0	14.6
Ô tô và phụ tùng	16.6	14.9
Truyền thông	92.8	80.0
Viễn thông	95.9	81.7

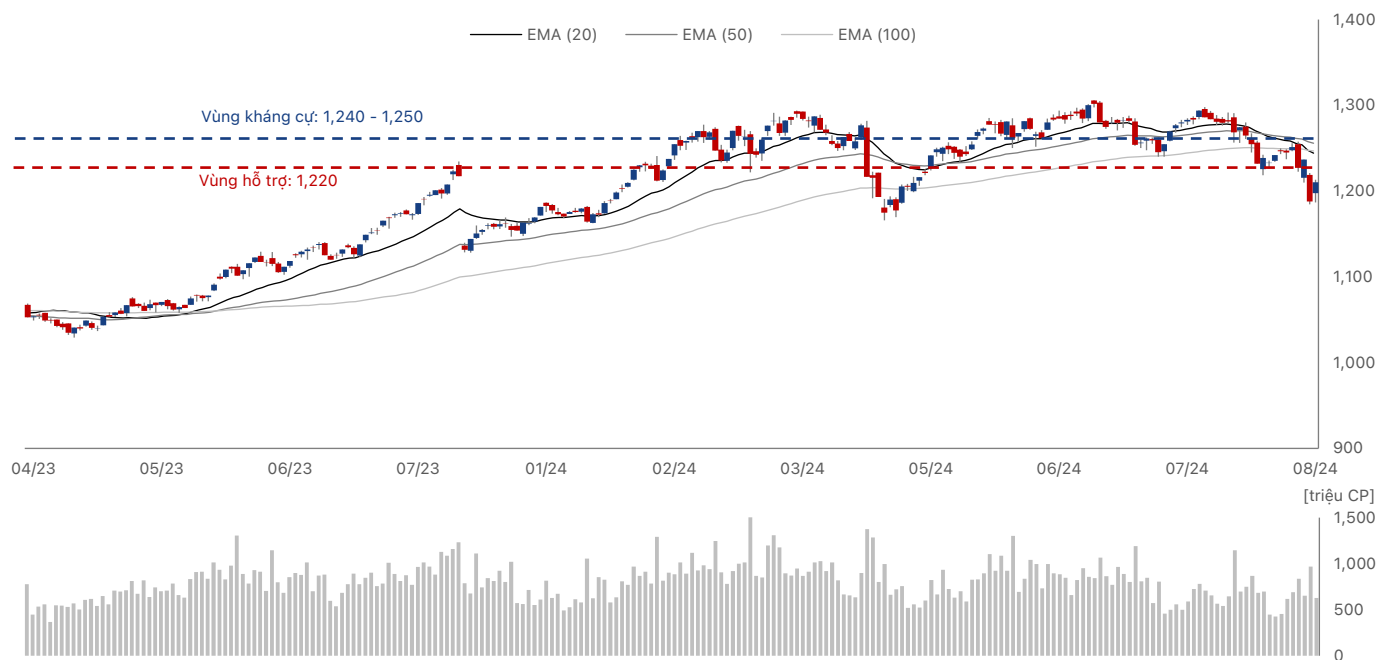
Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Vì sao thị trường tăng điểm?

VN-Index duy trì dao động ở dưới mức 1,240

Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy **NGT** nên cẩn trọng quan sát thị trường trong ngắn hạn

Biểu đồ VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật [điểm]



Chỉ báo động lượng	Giá trị	GT so sánh	Hành động	Chỉ báo trung bình động	Giá trị	GT so sánh	Hành động
Relative Strength Index	37	50	Bán	Simple Moving Average (20)	1,253	1,210	Bán
Stochastic %K	35	40	Bán	Simple Moving Average (50)	1,266	1,210	Bán
Momentum (10)	33	40	Bán	Simple Moving Average (100)	1,259	1,210	Bán
MACD level (12,36)	-25	0	Bán	Simple Moving Average (200)	1,211	1,210	Bán
Tín hiệu mua			0	Exponential Moving Average (20)	1,243	1,210	Bán
Tín hiệu trung tính			0	Exponential Moving Average (50)	1,255	1,210	Bán
Tín hiệu bán			4	Exponential Moving Average (100)	1,246	1,210	Bán
				Exponential Moving Average (200)	1,212	1,210	Bán
				Bollinger Band (20)	1,253	1,210	Bán
				Tín hiệu mua			0
				Tín hiệu trung tính			0
				Tín hiệu bán			9

• VN-Index có sự hồi phục sau phiên giảm mạnh và vượt được mốc kháng cự tâm lý 1,200. Tuy nhiên, thanh khoản của thị trường phiên hôm nay vẫn duy trì ở mức thấp (> GTGD bình quân 10 phiên gần nhất) cho thấy lực cầu đỡ thị trường vẫn còn yếu. TVS Research cho rằng **NGT** tạm thời không nên mở mua mới mà nên quan sát diễn biến thị trường trong các phiên tiếp theo trước khi ra quyết định giải ngân

Thông tin vĩ mô

Goldman Sachs vừa nâng xác suất xảy ra suy thoái ở Mỹ trong năm tới lên 25%, từ mức 15%. Tuy vậy, họ giữ quan điểm lạc quan về triển vọng kinh tế Mỹ với nhận định là nền kinh tế nhìn chung vẫn ổn, không có bất cân đối tài chính lớn nào và Fed có nhiều dư địa để cắt giảm lãi suất và có thể làm điều đó nhanh chóng nếu cần. Họ dự báo Fed sẽ giảm lãi suất chuẩn 25 đcb vào T9, T11 và T12. Tuy nhiên, nếu báo cáo việc làm T8 tiếp tục yếu như T7, khả năng Fed cắt giảm 50 đcb vào T9 là rất cao. Goldman Sachs bày tỏ sự hoài nghi về khả năng thị trường lao động sẽ xấu đi nhanh chóng. Họ chỉ ra rằng số lượng việc làm trống vẫn cho thấy nhu cầu lao động vững chắc và hiện tại chưa có cú sốc rõ ràng nào để kích hoạt một cuộc suy thoái.

Ngân hàng Nhà nước đã đồng loạt giảm lãi suất OMO và lãi suất tín phiếu trong bối cảnh áp lực tỷ giá đang giảm dần. Việc sử dụng song song hai công cụ tín phiếu và OMO được đánh giá là nhằm phục vụ mục tiêu kép là vừa đảm bảo thanh khoản cho hệ thống ngân hàng nhằm duy trì mặt bằng lãi suất thấp trên thị trường 1, đồng thời giảm sức ép lên tỷ giá thông qua việc thu hẹp chênh lệch lãi suất USD - VND trên thị trường liên ngân hàng.

Thông tin ngành / doanh nghiệp

KSV (HNX, giá đóng cửa: 62,800 VND, +8.8%): DT Q2 đi ngang svck, đạt hơn 3,400 tỷ VND, nhưng lãi gộp +336% YoY, đạt 832 tỷ VND. Biên lãi gộp tăng từ 5.9% lên 24.2%. Nguyên nhân chủ yếu là do giá bán bình quân các sản phẩm chính tăng mạnh: giá bán vàng +24% YoY; đồng +15% YoY; bạc 16.1 triệu VND/kg, +21% YoY; tinh quặng Manhetit +66% YoY. Chi phí lãi vay còn 65 tỷ VND, -27% YoY, giúp KSV lãi ròng 493 tỷ VND, mức cao kỷ lục, so với -25 tỷ VND cùng kỳ. Kết quả 6T 2024, KSV đạt lần lượt 55% và 243% kế hoạch DTT và lãi trước thuế. Chúng tôi đánh giá đây là KQKD ấn tượng của KSV, với cơ cấu tài chính khá lành mạnh với 50% là tài sản ngắn hạn và nợ vay thấp khoảng 30% tổng tài sản.

BWE (HOSE, giá đóng cửa: 42,000 VND, +2.4%): Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đã ký Quyết định số 790/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể của tỉnh Bình Dương. Đối với ngành nước tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ cung cấp nước sạch là 100% ở khu vực thành thị và 80% ở nông thôn, lần lượt cao hơn mức đề ra tương ứng là 95%/70% trong bản dự thảo tháng 11/2023. Quy hoạch được phê duyệt lần này tương ứng với tốc độ tăng trưởng trung bình năm của công suất cung cấp nước ở mức 14% trong giai đoạn 2023-2030. Chúng tôi cho rằng điều này phù hợp với chiến lược mở rộng công suất nước hiện tại của BWE và TDM. Do đó, chúng tôi cho rằng 2 DN này sẽ tiếp tục đẩy mạnh M&A để mở rộng công suất cấp nước, đảm bảo

1/8 **Việt Nam - Công bố PMI sản xuất**
Thực tế: 54.7, Kỳ trước: 54.7

2/8 **Mỹ - Công bố số liệu tỷ lệ thất nghiệp T7 2024**
Thực tế : 4.3% YoY, Kỳ trước: 4.1% YoY

14/8 **Mỹ- Công bố CPI T7 2024**
Kỳ trước: 3% YoY

15/8 **Đáo hạn hợp đồng phái sinh chỉ số VN30**

20/8 **Châu Âu- Công bố CPI T7 2024**
Kỳ trước: 2.6% YoY

29/8 **Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế vĩ mô T7 2024**

Vì sao thị trường tăng điểm?

Diễn biến thị trường phái sinh, chứng quyền

Thị trường phái sinh

Chênh lệch basis quay lại mức âm

Diễn biến hợp đồng tương lai VN30 [điểm]



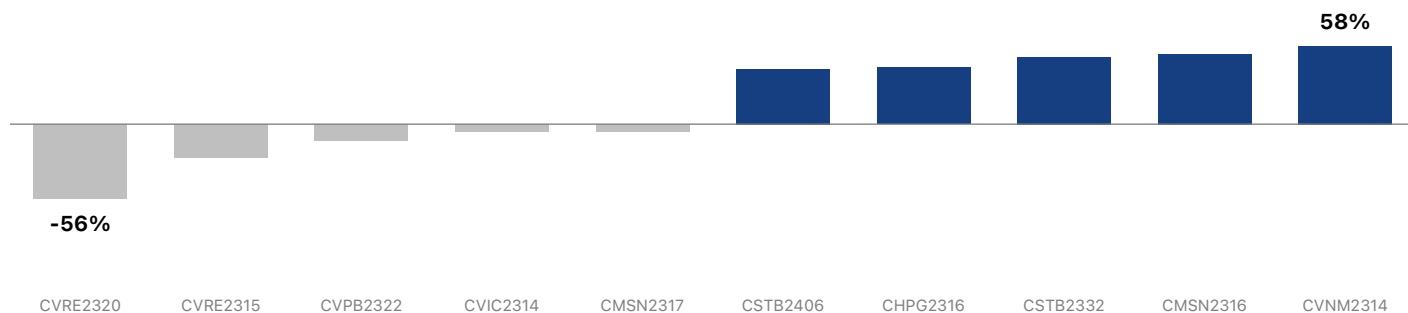
Chỉ số VN30F1M tăng 16.6 điểm (+1.4%) lên mức 1,250 và chỉ số VN30 tăng 20.7 điểm (+1.7%) lên mức 1,253

Số mã chứng quyền tăng chiếm ưu thế

- Thị trường chứng quyền hôm nay có 82 mã tăng ở mức bình quân +17.1% và 9 mã giảm ở mức bình quân -12.8%

Mã chứng quyền CVNM2314 tăng mạnh nhất, +58% trong phiên hôm nay

Diễn biến thị trường chứng quyền [%]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

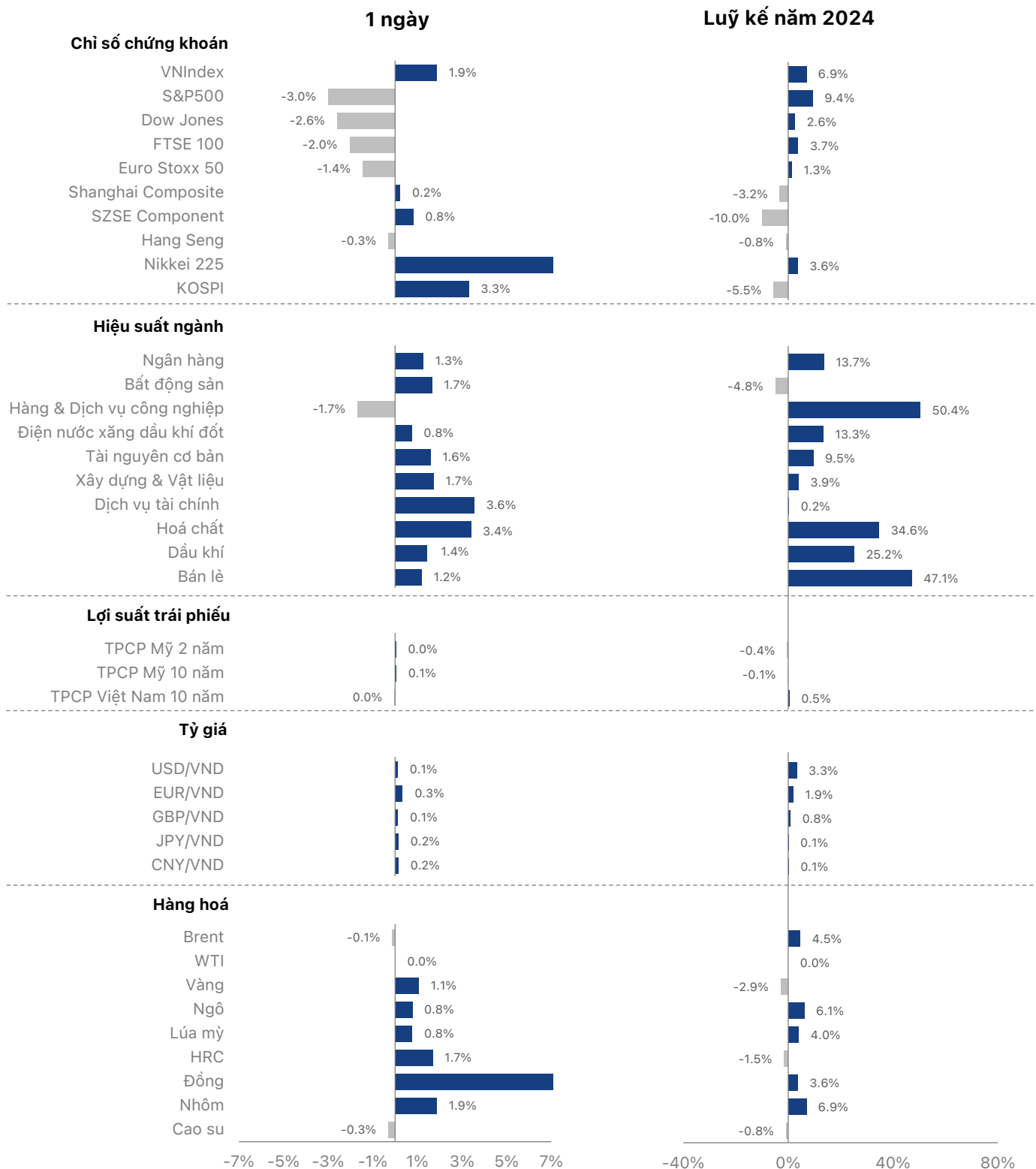
Danh sách cổ phiếu khuyến nghị

Mã	Ngành ICB cấp 2	Thông tin thị trường					Định giá				
		Giá đóng cửa [VND]	Vốn hoá [tỷ VND]	Beta 6m	% ngày	% YTD	P/E (TTM)	P/B (TTM)	Giá mục tiêu	+/-	Ngày ra BC
KBC	Bất động sản	24,600	18,883	1.7	1%	-23%	80.3	1.0	40,300	64%	16/05
QTP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14,400	6,423	1.1	-1%	0%	10.6	1.2	20,500	42%	16/05
PVD	Dầu khí	26,350	14,647	1.4	2%	-8%	22.9	0.9	25,100	42%	16/05
SSI	Dịch vụ tài chính	30,600	46,180	1.0	3%	-10%	16.2	1.9	43,300	42%	16/05
PVS	Dầu khí	38,400	18,354	1.6	2%	-1%	19.9	1.4	50,300	31%	16/05
NLG	Bất động sản	39,200	15,083	1.9	4%	4%	35.6	1.6	48,500	24%	16/05
VHC	Thực phẩm và đồ uống	68,500	15,375	1.3	2%	11%	21.2	1.8	84,200	23%	16/05
VCB	Ngân hàng	87,300	487,928	0.7	0%	8%	14.6	2.7	107,200	23%	16/05
MBB	Ngân hàng	23,400	124,168	0.6	2%	26%	5.8	1.2	28,200	21%	16/05
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26,300	168,221	1.3	1%	2%	15.1	1.6	31,200	19%	16/05
TCB	Ngân hàng	22,300	157,104	0.7	0%	45%	7.3	1.2	25,100	13%	16/05
MWG	Bán lẻ	62,300	91,077	1.2	1%	45%	41.4	3.5	68,800	10%	16/05
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77,000	23,907	0.9	2%	10%	19.2	2.5	81,000	5%	16/05

Danh sách báo cáo phát hành gần đây

Loại báo cáo	Tiêu đề	Công ty/Ngành	Ngày phát hành
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T6 2024	Vĩ mô	08/07/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T6 2024	Thị trường	08/07/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T5 2024	Vĩ mô	05/06/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T5 2024	Thị trường	05/06/2024
BCCL đầu tư Q1 2024	Báo cáo chiến lược đầu tư Q1 2024	Toàn thị trường	16/05/2024
BCCL vĩ mô Q1 2024	Báo cáo chiến lược - Vĩ mô Q1 2024	Vĩ mô	16/05/2024
BCCL thị trường Q1 2024	Báo cáo chiến lược - Thị trường Q1 2024	Thị trường	16/05/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T4 2024	Vĩ mô	08/05/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T4 2024	Thị trường	08/05/2024
Báo cáo ngành	Báo cáo KQKD Q1 2024	Ngành	06/05/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T3 2024	Vĩ mô	08/04/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T3 2024	Thị trường	08/04/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T2 2024	Vĩ mô	08/03/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T2 2024	Toàn thị trường	08/03/2024

Tổng quan hiệu suất thị trường



Ghi chú: Các ngành được tính hiệu suất bao gồm cổ phiếu trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCoM

Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 tính toán dựa trên giá đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, Fiiipro, TVS Research

Tổng quan KQKD Q2 2024 toàn thị trường

Mã	Giá đóng cửa	Vốn hóa	DT Q4/2023	% YoY	DT 2023	% YoY	LNST Q4/2023	% YoY	LNST 2023	% YoY	ROE (TTM)	ROA (TTM)	EPS (TTM)	BVPS	P/E (TTM)	P/B (TTM)
Ngân hàng (27/27 DN)		1,995,636	163,301	16.0%	314,373	11.8%	60,900	21.9%	118,348	15.6%	14.1%	1.2%			11.1	1.4
VCB	87,300	487,928	16,752	-4.1%	34,032	-5.4%	8,125	9.4%	16,711	1.8%	19.5%	1.8%	5,962	32,491	14.6	2.7
BID	46,750	266,495	20,225	17.2%	37,396	8.3%	6,534	17.7%	12,450	12.1%	18.8%	1.0%	4,006	22,745	11.7	2.1
CTG	30,550	164,053	19,640	10.5%	38,707	11.3%	5,409	2.8%	10,412	3.1%	15.9%	1.0%	3,782	25,149	8.1	1.2
TCB	22,300	157,104	13,420	43.9%	25,681	37.9%	6,270	39.2%	12,547	38.8%	16.2%	2.5%	3,048	19,470	7.3	1.2
VPB	18,350	145,587	16,128	26.2%	29,539	17.5%	3,633	48.1%	6,775	65.2%	9.1%	1.4%	1,531	16,796	12.0	1.1
Bất động sản (100/130 DN)		801,595	100,055	-9.0%	152,990	-23.7%	18,004	17.7%	23,778	-26.7%	5.9%	2.1%			19.1	1.1
VIC	41,300	157,917	43,304	-8.4%	65,043	-24.6%	684	71.0%	2,019	104.1%	2.9%	0.6%	956	33,832	43.2	1.2
VHM	34,800	151,532	28,218	-13.5%	36,429	-41.2%	10,609	8.8%	11,513	-46.9%	12.7%	5.1%	5,325	44,208	6.5	0.8
BCM	71,000	73,485	1,162	6.2%	1,973	4.7%	394	N/A	513	950.4%	15.2%	5.2%	2,674	18,263	26.6	3.9
VRE	17,000	38,629	2,479	14.1%	4,733	15.0%	1,021	2.1%	2,104	3.9%	11.7%	9.3%	1,975	17,573	8.6	1.0
KDH	35,300	32,102	645	10.7%	978	-2.9%	280	9.4%	344	-24.7%	4.5%	2.3%	765	15,112	46.1	2.3
Thực phẩm và đồ uống (106/157 DN)		844,077	130,075	8.2%	220,207	-1.6%	10,389	9.3%	17,730	6.6%	10.0%	4.7%			24.8	2.4
VNM	72,700	151,940	16,656	9.6%	30,768	5.7%	2,696	20.9%	4,903	18.6%	30.1%	18.1%	4,633	16,434	15.7	4.4
MCH	195,900	139,788	6,477	#DIV/0!	12,514	#DIV/0!	0	-100.0%	0	-100.0%	FALSE	FALSE	10,259	38,288	19.0	5.1
MSN	73,200	105,287	20,134	8.2%	38,989	4.5%	946	120.4%	1,425	64.0%	2.5%	0.5%	488	23,381	150.0	3.1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp (146/267 DN)		520,500	75,413	22.9%	122,771	4.0%	11,727	12.2%	19,109	19.7%	13.7%	7.7%			16.5	2.2
ACV	102,000	224,692	5,535	12.3%	11,178	15.7%	3,228	23.8%	6,149	44.9%	20.2%	15.5%	4,808	25,290	21.5	4.1
VEA	41,100	54,280	1,024	5.1%	1,923	-3.1%	1,822	0.7%	3,258	2.4%	22.8%	21.5%	4,744	21,580	8.6	1.9
MVN	40,700	47,945	4,646	39.2%	8,242	33.2%	1,138	125.6%	1,617	79.5%	15.8%	6.2%	1,445	9,635	27.6	4.1
Xây dựng và vật liệu (196/345 DN)		243,169	74,627	20.0%	117,250	8.7%	4,321	41.6%	7,028	56.6%	5.6%	2.0%			20.5	1.1
VGC	39,900	17,889	2,712	-31.0%	5,351	-20.2%	171	-72.7%	408	-47.5%	9.9%	3.4%	1,776	18,068	22.5	2.2
HUT	16,500	14,726	6,430	1851.9%	11,634	1763.3%	61	375.8%	93	579.3%	0.7%	0.2%	71	9,592	231.2	1.7
VCS	36,800	13,666	1,565	14.7%	2,856	17.7%	511	38.2%	873	41.0%	15.8%	4.4%	2,669	17,905	13.6	2.0
Tài nguyên cơ bản (76/116 DN)		281,078	141,287	22.0%	248,873	9.8%	5,179	327.7%	8,843	221.5%	6.8%	3.1%			19.8	1.3
HPG	26,300	168,221	39,556	34.1%	70,408	25.5%	3,320	129.3%	6,189	238.0%	10.7%	5.8%	1,746	16,975	16.1	1.6
MSR	12,200	13,189	3,652	3.5%	6,742	-7.8%	-344	-31.3%	-1,046	115.0%	-16.1%	-5.4%	(1,950)	11,424	-6.2	1.1
HSG	20,950	12,905	10,840	25.4%	20,090	28.6%	273	1830.8%	593	123.8%	10.4%	5.8%	1,844	18,007	11.4	1.2
Dịch vụ tài chính (42/61 DN)		257,130	13,257	14.5%	25,010	18.7%	3,767	17.4%	7,785	50.1%	7.3%	3.0%			20.0	1.3
SSI	30,600	46,180	2,307	37.3%	4,280	35.0%	848	49.6%	1,613	50.7%	12.1%	4.4%	1,891	16,366	16.2	1.9
VND	14,750	22,454	1,458	-9.1%	2,843	-1.8%	345	-19.6%	962	70.4%	14.5%	5.7%	1,868	11,354	7.9	1.3
VCI	43,000	19,002	916	82.9%	1,722	72.2%	279	138.8%	477	151.1%	9.8%	4.1%	1,780	20,046	24.2	2.2
Các ngành khác (395/563 DN)		1,886,970	512,749	11.5%	978,561	8.5%	25,059	43.1%	50,769	24.1%	9.2%	3.9%			24.6	2.2
GAS	77,300	177,538	30,052	25.0%	53,367	17.9%	3,416	6.9%	5,960	-9.9%	16.7%	12.2%	4,760	30,287	16.2	2.6
FPT	120,800	176,422	15,245	22.1%	29,338	21.4%	2,283	23.0%	4,443	21.2%	27.7%	11.4%	4,889	18,818	24.7	6.4
DGC	106,000	40,257	2,505	3.8%	4,889	-0.2%	871	-1.0%	1,574	-7.5%	24.5%	20.0%	7,889	34,285	13.4	3.1
REE	66,700	31,417	2,181	0.3%	4,019	-11.5%	404	-35.3%	952	-43.2%	10.3%	5.1%	3,806	37,658	17.5	1.8
DPM	33,650	13,168	3,948	6.5%	7,255	4.1%	236	123.9%	503	36.9%	5.8%	4.7%	1,703	30,153	19.8	1.1
VN30 (30/30 DN)	1,253	3,470,322	496,761	10.2%	917,375	5.0%	85,280	24.1%	155,478	10.3%	12.1%	1.6%			14.4	1.6
VN100 (100/101 DN)	1,241	4,430,598	657,112	11.1%	1,186,509	3.9%	102,830	18.3%	187,439	8.6%	11.1%	1.7%			15.1	1.6
HOSE (393/415 DN)	1,210	4,958,434	840,600	10.3%	1,500,298	2.1%	113,757	23.6%	207,846	12.9%	10.5%	1.8%			15.4	1.5
HNX (304/317 DN)	226	321,431	118,879	16.6%	209,021	9.9%	6,655	33.8%	11,226	25.0%	7.6%	2.4%			17.8	1.3
UPCOM (391/912 DN)	92	1,397,449	251,285	15.1%	470,715	11.8%	18,935	43.4%	34,319	24.3%	8.9%	3.0%			25.1	2.2

Ghi chú: Vốn hoá, DT và LNST tính bằng đơn vị tỷ VND
Giá đóng cửa, EPS, BVPS tính bằng đơn vị VND/cổ phiếu
Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Vương Chí Tâm, CFA, FRM

P. Giám đốc phân tích
tamvc@tvs.vn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp
hanhntk@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên
quangtpt@tvs.vn

Nguyễn Văn Đạt

Chuyên viên
datnv@tvs.vn